

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 902/2020/HNGĐ-PT
Ngày 21-9-2020
V/v Tranh chấp thay đổi tiền trợ
cấp nuôi con sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh.

Các Thẩm phán:
Bà Trần Thị Nhung.
Bà Đoàn Thị Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trường An – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Phạm Phương Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 tháng 8, ngày 16 tháng 9 và ngày 21 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2020/TLPT-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp thay đổi tiền trợ cấp nuôi con sau khi ly hôn”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 136/2020/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3916/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Taylor A, sinh năm 1974. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Canada.

Tạm trú: 94/10 đường C, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 56B đường H, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Võ Thị Xuân C, sinh năm 1972. (Có mặt)

Địa chỉ: 325/28/11 đường B, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 602/51E đường P, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 014281 ngày 12/12/2018).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Quốc K, sinh năm 1986 – Luật sư Công ty Luật TNHH Khánh An Phát. (Có mặt)

Địa chỉ liên lạc: 602/51E đường P, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 1981. (Có mặt)

Địa chỉ: 12A-24 (Lầu 12A) chung cư V, 348 đường B, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn - bà Nguyễn Thị Vân A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

Trong Đơn khởi kiện ngày 21/11/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn có đại diện là bà Võ Thị Xuân C trình bày:

Ông Taylor A (gọi tắt là ông A) và bà Nguyễn Thị Vân A ly hôn theo Quyết định số 673/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29/5/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, hai bên thỏa thuận bà Vân A là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Taylor Nguyễn C L (gọi tắt là cháu L). Ông A cấp dưỡng ngay cho bà Vân A 600.000.000 đồng và sau khi Quyết định ly hôn có hiệu lực thì ông tiếp tục cấp dưỡng nuôi con cho bà Vân A mỗi tháng 12.000.000 triệu đồng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Ngày 28/02/2018, ông A bị mất việc làm theo thông báo thôi việc ngày 02/4/2018. Ngày 04/6/2018, do bố ông bị bệnh nên ông phải về Canada để chăm sóc. Khi về, ông đã mang theo các giấy tờ tùy thân quan trọng để tránh bị thất lạc.

Ngày 23/8/2018, ông qua lại Việt Nam thì nhận được các Quyết định từ Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

- Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 2170/QĐ-CTHADS ngày 08/6/2018;
- Quyết định thi hành án chủ động số 2202/QĐ-CTHADS ngày 14/6/2018;
- Quyết định về tạm hoãn xuất cảnh số 1981/QĐ-CTHADS căn cứ vào Đơn đề nghị ngăn chặn xuất cảnh ngày 12/6/2018 của bà Vân A.

Sau khi nhận được Quyết định 2202 và Quyết định số 1981, ngày 28/8/2018 ông đã đến Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh và đã thực hiện việc chuyển khoản số tiền 599.800.000 đồng cho bà Vân A. Ông cũng đã chuyển số tiền cấp dưỡng cho cháu L 03 tháng 6, tháng 7, tháng 8/2018 với số tiền 36.000.000 đồng và ngày 17/9/2018 ông đã chuyển 12.000.000 đồng tiền cấp dưỡng tháng 9/2018 cho cháu L nhưng bà Vân A vẫn không đồng ý rút yêu cầu cấm xuất cảnh và cho biết là bà chỉ rút khi ông cấp dưỡng một lần cho bà là 106 tháng x 12 triệu/tháng = 1.272.000.000 đồng. Ông cho rằng yêu cầu trên là bất hợp lý vì ông không có tài sản, thu nhập chỉ đủ chi tiêu cá nhân và cấp dưỡng cho con hàng tháng.

Hiện nay ông không có việc làm, đang khó khăn về kinh tế lại bị tạm hoãn xuất cảnh nên không xin việc làm được. Vì vậy, ông đề nghị tòa xem xét giảm mức cấp dưỡng hàng tháng cho ông còn 2.000.000 đồng/tháng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Vân A trình bày:

Kể từ khi ly hôn, ông A không một lần nào thăm nom cũng như chu cấp tài chính để hỗ trợ bà trong việc nuôi con. Ông chỉ tìm mọi cách để trốn tránh trách nhiệm làm cha và giảm thiểu việc chi trả tiền cấp dưỡng nuôi con đến mức thấp nhất có thể. Hiện nay ông A vẫn đang làm việc cho 1 tổ chức nào đó. Vì vậy, bà đề nghị tòa xem xét:

Bác bỏ yêu cầu của nguyên đơn, giữ nguyên mức cấp dưỡng hai bên đã thỏa thuận là 12.000.000 đồng/tháng.

Buộc nguyên đơn phải cấp dưỡng trong vòng 05 ngày đầu tiên của mỗi tháng.

Trường hợp nguyên đơn không thực hiện nghĩa vụ thì phải thanh toán thêm khoản bồi thường thiệt hại theo mức lãi suất vay tín chấp theo quy định của Ngân hàng Shinhanbank tính từ ngày thứ 06 mỗi tháng cho đến khi nguyên đơn thực hiện việc cấp dưỡng được nêu trong Quyết định.

Buộc nguyên đơn có trách nhiệm chia sẻ thời gian chăm sóc cháu L với bà với tổng thời gian tối thiểu là 30 ngày/năm.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 136/2020/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Khoản 5 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 58, Điều 82, Điều 83, Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Điểm đ Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Taylor A về việc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Buộc ông Taylor A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Taylor Nguyễn C L, sinh ngày 24/6/2009 mỗi tháng là 2.000.000 (Hai triệu) đồng.

Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền theo quy định là 9%/năm.

Bà Nguyễn Thị Vân A là người đại diện nhận số tiền cấp dưỡng của cháu L.

Thi hành khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Không xem xét yêu cầu bổ sung: Thay đổi mức cấp dưỡng từ tháng 10/2018 của đại diện nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn.

Công nhận sự thoả thuận của hai bên đương sự: Nguyên đơn sẽ thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con trong 05 ngày đầu tháng dương lịch và nguyên đơn có trách nhiệm chia sẻ thời gian chăm sóc cháu L với bà Vân A với tổng thời gian tối thiểu là 30 ngày/năm.

Không chấp nhận yêu cầu giữ nguyên mức cấp dưỡng 12.000.000 đồng/tháng, không chấp nhận yêu cầu Tòa án nhân dân Quận B thu thập chứng cứ tại 02 trường V Community College và trường R Roads University tại Canada của bị đơn.

Về án phí: Ông Taylor A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009582 ngày 21 tháng 11 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận B. Ông Taylor A đã nộp đủ án phí.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án theo luật định.

Ngày 26/5/2020, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do vi phạm tố tụng; bác toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà Vân A trình bày:

Theo Quyết định thuận tình ly hôn số 673/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29/5/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bà là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Taylor Nguyễn C L. Ông A cấp dưỡng nuôi con cho bà Vân A mỗi tháng 12.000.000 triệu đồng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Sau khi quyết định có hiệu lực thi hành ông A không thực hiện mà trở về Canada, nên bà yêu cầu ngăn chặn xuất cảnh đối với ông A. Bà Hương thay ông có chuyển cho bà số tiền cấp dưỡng nuôi con từ tháng 6/2018 đến tháng 8/2018. Đến tháng 9/2018 khi ông trở lại Việt Nam thì ông chuyển cho bà số tiền 12.000.000 đồng cấp dưỡng nuôi con tháng 9/2018. Ông A cho rằng do bị cấm xuất cảnh nên ông không có việc làm vì vậy ông không có tiền cấp dưỡng nuôi con, đề nghị thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con từ 12.000.000 đồng xuống còn 2.000.000 đồng bà không đồng ý. Bà yêu cầu vẫn giữ nguyên mức cấp dưỡng ban đầu là 12.000.000 đồng/tháng. Bà cho biết ông A chung sống với bà Hương (người chuyển tiền cho bà) có hai người con chung, trước đây hai người sống tại địa chỉ số 94/10 đường C, phường T, Quận M, sau bán nhà chuyển ra thành phố Đà Nẵng mua nhà cùng chung sống, địa chỉ cụ thể bà không biết. Bà biết hiện ông A có làm việc cho tổ chức nào đó vì ông A đã sinh sống làm việc nhiều năm ở Việt Nam nhưng bà không có địa chỉ cụ thể để cung cấp cho Tòa án. Bà đã cung cấp chứng cứ và có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Quận B hỗ trợ bà thu thập chứng cứ nhưng Tòa án Quận B không thu thập chứng cứ như bà cung cấp. Bà yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn ông Taylor có người đại diện theo ủy quyền bà Võ Thị Xuân C trình bày: Do bà Vân A yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự cấm xuất cảnh đối với ông A, nên ông không có việc làm để thực hiện đúng như thỏa thuận tại quyết định thuận tình ly hôn; nay ông chỉ có thể cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Việc ông A có con chung với bà Hương bà không được biết. Ông A trước đây có thỏa thuận sẽ ký hợp đồng lao động với hai trường tại Canada như bà Vân A cung cấp nhưng sau khi có thông tin ông bị cấm xuất cảnh tại Việt Nam thì ông không thể ký hợp đồng với hai trường trên. Bà yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu trình bày ý kiến:

Về tố tụng:

Tòa án nhân dân Quận B đưa vụ án ra xét xử vào ngày 08/5/2020, bà Vân A vắng mặt, đến ngày 25/5/2020 Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt bản án sơ thẩm cho bà Vân A, ngày 27/5/2020 Tòa án nhân dân Quận B nhận được đơn kháng cáo của bà Vân A và bà đã tạm nộp án phí dân sự phúc thẩm. Căn cứ Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, kháng cáo của bà Vân A trong hạn luật định, nên được xem xét.

Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Ngày 08/5/2020 Tòa sơ thẩm xét xử, ngày 26/5/2020 bị đơn bà Vân A kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do vi phạm tố tụng; bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc nguyên đơn có trách nhiệm cùng bị đơn chăm sóc con chung.

Bị đơn cung cấp tài liệu cho rằng nguyên đơn được cấp visa làm việc theo hợp đồng lao động và yêu cầu tòa sơ thẩm thu thập chứng cứ nhưng tòa sơ thẩm không thực hiện; Bị đơn yêu cầu Tòa sơ thẩm hỗ trợ thu thập chứng cứ ở hai trường đại học tại Canada theo bị đơn là nguyên đơn đang làm việc nhưng cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ tại Văn phòng đại diện của một công ty khác tại Việt Nam, đáng lẽ ra phải ủy thác thu thập chứng cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về tố tụng:

Ngày 08/5/2020, Tòa án nhân dân Quận B đưa vụ án ra xét xử, bà Vân A vắng mặt. Đến ngày 25/5/2020, Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt bản án sơ thẩm số 136/2020/HNGĐ-ST cho bà Vân A. Ngày 27/5/2020, Tòa án nhân dân Quận B nhận được đơn kháng cáo của bà Vân A và bà đã tạm nộp án phí dân sự phúc thẩm. Căn cứ Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đơn kháng cáo của bà Vân A làm trong thời hạn luật định và hợp lệ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét.

2/ Về nội dung kháng cáo:

Ngày 26/5/2020, bị đơn bà Vân A kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do vi phạm tố tụng; bác toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa bà Vân A yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét:

Ngày 14/01/2019, bị đơn bà Vân A có đơn yêu cầu Tòa án hỗ trợ thu thập chứng cứ (bút lục số 83) bao gồm:

a/ Hợp đồng lao động mà nguyên đơn đã sử dụng để được cấp thẻ tạm trú số HM035925LD tại Cục Xuất nhập cảnh Thành phố Hồ Chí Minh.

b/ Hợp đồng lao động và thu nhập của nguyên đơn tại trường V Community College, địa chỉ: Canada; trường R Roads University, địa chỉ: Canada.

Tòa sơ thẩm đã không thu thập chứng cứ về hợp đồng lao động mà nguyên đơn đã sử dụng để được cấp thẻ tạm trú số HM035925LD tại Cục Xuất nhập cảnh Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại bản án sơ thẩm (bút lục 163), Tòa sơ thẩm nhận định căn cứ vào Điều 475 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 cho rằng Tòa sơ thẩm không thể làm thủ tục thu thập chứng cứ ở nước ngoài được, nên Tòa sơ thẩm xác minh các văn phòng đại diện của hai trường tại Việt Nam.

Ngày 22/10/2019, Văn phòng đại diện của Study Group UK Limited tại Việt Nam trả lời “Chúng tôi là đối tác với trường đại học R Roads University, tuy nhiên chúng tôi không có nhân sự nào tên là Taylor A, sinh năm 1974 ký hợp đồng lao động với VPĐD Study Group UK Limited tại Việt Nam.” Như vậy đây không phải là Văn phòng đại diện của trường đại học R Roads University như bản án sơ thẩm đã nhận định (bút lục số 99).

Tòa sơ thẩm ban hành quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ đối với hai trường: V Community College; trường R Roads University (bút lục số 103 và 104); sau đó ông Taylor A cung cấp cho Tòa sơ thẩm các thư tay mà hai trường trả lời cho ông về việc ông không có làm việc tại hai trường (bản photocopy) (bút lục 92, 93, 94, 95, 96, 97). Căn cứ vào Khoản 1 Điều 95 về việc cung cấp chứng cứ là chưa phù hợp.

Căn cứ Khoản 4 Điều 105 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 2 Điều 10, chương II Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC, ngày 19/10/2016 quy định về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự: “Tòa án nhân dân cấp huyện, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, cơ quan thi hành cấp huyện trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự, thi hành án dân sự có phát sinh ủy thác tư pháp ra nước ngoài thì lập hồ sơ theo quy định tại Điều 11 của Luật Tương trợ tư pháp và Điều 11 của Thông tư liên tịch này, gửi tới cơ quan tương ứng cấp tỉnh tại Khoản 1 Điều này để thực hiện theo thủ tục chung”. Tòa sơ thẩm căn cứ vào Điều 475 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; cho rằng không thể làm thủ tục thu thập chứng cứ ở nước ngoài được là chưa có căn cứ.

Tòa sơ thẩm căn cứ vào các chứng cứ đã thu thập tại hồ sơ cho rằng ông A không có việc làm và thu nhập nên chấp nhận đơn khởi kiện của ông A thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con đối với trẻ Taylor Nguyễn C L, sinh ngày 24/6/2009, từ 12.000.000 đồng mỗi tháng giảm còn là 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng là chưa đủ cơ sở.

Từ những cơ sở trên cho thấy Tòa sơ thẩm đã thu thập chứng cứ và chứng minh không theo đúng quy định tại chương VII của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 308 và Khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận đơn kháng cáo của bà Vân A, nên bà Vân A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Với những chứng cứ kể trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Khoản 3 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 148, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Vân A.

1. Hủy Bản án số 136/2020/HNGĐ-ST ngày 08/5/2020 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Vân A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho bà Vân A số tiền tạm nộp án phí là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số AA/2019/0035587 ngày 27/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận B;
- Chi cục THADS Quận B;
- Các đương sự;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

Võ Thị Mỹ Hạnh